

Bài tập 1

Đóng tất cả các workbook đã mở. Tạo workbook mới, đổi tên cho Sheet1 là **LuongT1-2007**, nhập dữ liệu và trình bày theo mẫu sau:

	A	B	C	D	E	F	G	H
1	BẢNG LƯƠNG NHÂN VIÊN							
2	Tháng 01/2007							
3	Stt	Họ và tên	Chức vụ	Lương ngày	Ngày	Lương	Tạm ứng	Còn lại
4	1	Hoàng Minh	TP	150000	25			
5	2	Lê Minh Hồng	NV	70000	24			
6	3	Nguyễn Quốc Tâm	PP	100000	26			
7	4	Lê Mai Oanh	NV	60000	20			
8	5	Trần Kim Chi	KT	100000	23			
9	6	Phạm Minh Hiển	PP	120000	27			
10		Tổng cộng						

Yêu cầu tính:

1. Lương = Lương ngày nhân với Ngày công (Ngày)
2. Tạm ứng = hai phần ba Lương
3. Còn lại = Lương trừ cho Tạm ứng
4. Tính tổng cộng theo cột Lương, Tạm ứng, Còn lại

Bài tập 2

Chọn Sheet1, đặt tên cho Sheet1 là **Hang nhap T9-2007**, nhập dữ liệu và trình bày theo mẫu sau:

	A	B	C	D	E	F	G	H
1	BẢNG KÊ HÀNG NHẬP KHO							
2	Tháng 09/2007 – Kho Long Bình							
3	C.Tu	Diễn giải	Số lượng	Đơn giá	Trị giá	Thuế	CướcCC	Cộng
4	B50	Bàn gỗ	40	250				
5	B51	Bàn sắt	46	300				
6	B52	Bàn Formica	72	200				
7	B53	Ghế dựa	120	80				
8	B54	Ghế xếp	38	120				
9	B55	Tủ gỗ	15	400				
10		Tổng cộng						

Yêu cầu tính:

1. Trị giá = Số lượng nhân Đơn giá
2. Thuế = trị giá nhân với 4.25%
3. Cước chuyên chở (CuocCC) = Số lượng nhân 1.12
4. Cộng = Trị giá + Thuế + Cước chuyên chở
5. Tổng các cột (Trị giá, Thuế, CướcCC, Cộng)
6. Lưu lại WorkBoook với tên BT1

Bài tập 3

Tạo Workbook mới, đặt tên cho Sheet1 là **QUAN LY KHACH SAN** và nhập dữ liệu vào những ô thích hợp để tạo thành bảng tính có dạng sau:

BẢNG KÊ CHI PHÍ THUÊ KHÁCH SẠN

Stt	Họ và tên		Mã phòng	Ngày đến (X)	Ngày đi (Y)	Giá phòng (Z)	Y-X	(Y-X)/7	(Y-X)*Z	(Y-X)*Z ²
	Lý	Sơn	T2C	10/05/2007	24/05/2007	8 USD				
	Đào	Hùng	T3B	23/05/2007	13/06/2007	9 USD				
	Vũ	Thanh	T4A	12/05/2007	16/06/2007	10 USD				
	Nguyễn	Lan	T3A	26/05/2007	09/06/2007	10 USD				
	Trần	Lệ	T4A	23/05/2007	13/06/2007	10 USD				
	Phạm	Vũ	T2B	11/05/2007	01/06/2007	9 USD				
	Trần	Quý	T4C	24/05/2007	07/06/2007	8 USD				
	Hồng	Hương	T2C	24/05/2007	21/06/2007	8 USD				
	Dương	Anh	T4B	26/05/2007	23/06/2007	9 USD				
	Võ	Trung	T1D	28/05/2007	18/06/2007	7 USD				
TỔNG CỘNG										

Hướng dẫn: Dùng Format→ Cells→ Number→ Custom(Number, Date, Currency, ...), hoặc chọn Alignment, Font hay Border.

Dùng Start→ Settings→ Control Panel→ Regional Settings → Number (Currency, Time, Date) để tạo ra một dạng định dạng cho dữ kiện kiểu số.

Trường hợp hệ điều hành là Windows XP thì dùng: Start→ Control Panel→ Regional and Language Options→ Customize→ Number (Currency, Time, Date).

Bất kỳ một sự thay đổi nào về các thông số Number, Currency, Time, Date đều phải xác nhận bằng cách Click vào nút Apply trong hộp thoại hiện hành.

1. Lập công thức tính các cột Y- X, (Y - X)/7, (Y - X)*Z, (Y - X)*Z², TỔNG CỘNG.
2. Định dạng các cột có liên hệ với cột Z (Giá phòng) dạng Currency (USD).
3. Lưu Workbook với tên BT3.

Bài tập 4

KẾT QUẢ THI CUỐI KHÓA

Stt	TenHV	Phái	NS	Toán	Văn	SNgữ	ĐThêm	ĐTN	ĐTB	ĐKquả
	Hiệp	Nu	86	9	8	7				
	Chi	Nu	88	4.5	6	4				
	Lan	Nu	82	8	8.5	9				
	Đức	Nam	87	4	6	7				
	Lân	Nam	83	10	8	9				
	Ngọc	Nu	88	4	4.5	6				
	Thảo	Nu	86	3	9	7				
	Diễm	Nu	88	7.5	5	6				
	Nhi	Nu	82	4	5	5.5				
	Toàn	Nam	87	3	5	5				
	Thư	Nu	88	6	6	8				
	Tân	Nam	84	10	4	7				
	Dũng	Nam	89	9	5	6				
	Trung bình									
	Cao nhất									
	Thấp nhất									

Yêu cầu:

- Nhập số thứ tự cho cột Stt.
- Thêm vào bên phải cột Điểm Kết quả (Đkquả) 2 cột **Xếp loại** và **Xếp hạng**.
- Điểm được thêm (ĐThêm):**
 - Học viên từ năm 87 về sau có điểm thêm là 0.75.
 - Học viên trước năm 87 nhưng là phái nữ có điểm thêm là 0.5.
 - Và những trường hợp còn lại có điểm thêm là 0.
- Điểm thấp nhất (ĐTN)** là điểm thấp nhất trong 3 điểm của từng học viên.
- Điểm trung bình (ĐTB):** được tính với điểm Toán hệ số 3, Văn hệ số 2, Sinh ngữ hệ số 2 và làm tròn 2 số lẻ.
- Điểm kết quả (ĐKquả) :** những học viên nào có $\text{ĐTB} \geq 5$ ĐKquả chính là ĐTB; ngược lại ĐKquả chính là ĐTB cộng với ĐThêm, nhưng nếu sau khi cộng thêm mà lớn hơn 5 thì chỉ được lấy 5 mà thôi.
- Xếp loại** dựa vào các tiêu chuẩn sau:

Giỏi	nếu ĐKquả ≥ 8.0 và không có môn nào dưới 6.5
Khá	nếu ĐKquả ≥ 6.5 và không có môn nào dưới 5.5
TB	nếu ĐKquả ≥ 5.0 và không có môn nào dưới 3.5
Yếu	nếu ĐKquả ≥ 3.5 và không có môn nào dưới 2.0
Kém	còn lại
- Trung bình, Cao nhất, Thấp nhất** theo cột cho từng môn, ĐTB, ĐKquả.
- Xếp hạng** theo điểm kết quả.
- Trình bày bảng tính lại cho dễ nhìn và hợp lý.
- Lưu workbook lại trước khi thoát khỏi Excel.

Bài tập 5

BẢNG LƯƠNG NHÂN VIÊN

Tháng 02/2007

Stt	Họ và tên	Chức vụ	LCB	Ngày	Pccv	Lương	Tạm ứng	Còn lại
	Nguyễn An Ninh	TP	1200	25				
	Lê Chúc Vụ	NV	1600	24				
	Trần Thành Phố	PP	1500	26				
	Lê Tiểu Lâm	NV	1300	20				
	Nguyễn Văn Đua	KT	1800	23				
	Trần Anh Tài	BV	1500	24				
	Lưu Anh Hùng	PP	1400	27				
	Trần Trai	GD	1600	14				
	Trần Anh Hùng	BV	1500	17				
	Lưu Văn Thế	NV	1300	23				
	Trần Phước Thư	TX	1800	22				
	Lê Minh Nhật	NV	1500	14				
	Đoàn Anh Dũng	PG	1800	23				
	Lê Hoàng Anh	TP	1600	27				
	Trịnh Minh Ngọc	BV	1300	26				
	Tổng cộng							
	Bình quân							
	Cao nhất							
	Thấp nhất							

Yêu cầu:

- Nhập số thứ tự cho cột Stt.
- Tính Pccv theo yêu cầu sau :
 - ▶ Nếu chức vụ là “GD” (Giám Đốc) thì phụ cấp chức vụ là 5000.
 - ▶ Nếu chức vụ là “PG” (Phó Giám Đốc) hoặc “TP” thì phụ cấp chức vụ là 4000.
 - ▶ Nếu chức vụ là “PP” (Phó phòng) hoặc “KT” thì phụ cấp chức vụ là 3000.
 - ▶ Nếu chức vụ là “BV” và có ngày công ≥ 22 ngày thì Pccv là 1500.
 - ▶ Còn lại không có Pccv.
- Lương được tính bằng lương căn bản nhân với ngày công. Nhưng nếu số ngày làm việc trên 24 ngày thì mỗi ngày làm vượt trên 24 ngày đó được tính gấp đôi.
- Tạm ứng tính bằng 2 phần 3 của tổng số (Lương cộng với phụ cấp chức vụ). Tính tròn đến hàng ngàn nhưng tạm ứng không được quá 25000.
- Còn lại = (Phụ cấp chức vụ + Lương) – Tạm ứng.
- Tính Tổng cộng, Bình quân, Cao nhất, Thấp nhất theo các cột Ngày, Pccv, Lương.
- Trình bày bảng tính sao cho thật đẹp và cuốn hút ...
- Lưu Workbook ...

Bài tập 6

Tạo workbook mới, đặt tên cho Sheet1 với tên **CHI PHI THUÊ KS** và lập bảng tính theo mẫu sau:

Lưu ý: - Trước tiên nên quy định thứ tự nhập ngày, tháng, năm: Chọn Start/ Settings/ Control Panel/ Regional Settings, chọn tab Date, trên dòng Short date style: gõ từ bàn phím: dd/mm/yy.

- Quy định cách định dạng tiền tệ là USD (Bảng Biểu Giá): Chọn như trên, chọn Currency, trên dòng Currency Symbol gõ USD, trên dòng Positive Currency Format chọn 1.1 USD.

BẢNG KÊ CHI PHÍ THUÊ KHÁCH SẠN

Stt	Họ và tên		Mã phòng	Ngày đến	Ngày đi	Thành tiền
	Lý	Sơn	T2C	10/05/07	23/05/07	
	Đào	Hùng	T3B	23/05/07	11/06/07	
	Vũ	Thanh	T4A	12/05/07	19/06/07	
	Nguyễn	Lan	T3A	26/05/07	07/06/07	
	Trần	Lệ	T4A	23/05/07	06/06/07	
	Phạm	Vũ	T2B	13/05/07	27/05/07	
	Trần	Quý	T4C	24/05/07	06/06/07	
	Hồng	Hương	T2C	24/05/07	16/06/07	
	Dương	Anh	T4B	26/05/07	18/06/07	
	Võ	Trung	T1D	28/05/07	18/06/07	

Biểu giá		
Loại phòng	Tuần	Ngày
A	55 USD	10 USD
B	50 USD	9 USD
C	45 USD	8 USD
D	42 USD	7 USD

Yêu cầu:

Giải thích trước:

- Biểu giá phòng cho trước có ý nghĩa như sau: nếu phòng cho thuê có loại là A thì Đơn giá thuê cho 1 tuần là 55 USD và cho một ngày là 9 USD, ...
- Mã phòng có 3 ký tự: 2 ký tự đầu bên trái là số tầng, ký tự bên phải là số loại phòng.

1. Chèn vào giữa 2 cột Ngày đi và Thành tiền 4 cột: Số tuần, Số ngày lẻ, ĐgTuần, ĐgNgày.
2. Tính **Số Tuần**, **Số ngày lẻ** (dùng hàm INT, MOD)
3. Tính ĐgTuần, ĐgNgày dựa vào loại phòng và Bảng biểu giá.
4. Hãy tính **Thành tiền** = Tiền tuần + Tiền ngày lẻ.

Biết * **Tiền tuần** = Số tuần * Đơn giá tuần.

* **Tiền ngày lẻ** = số nhỏ hơn giữa (Đơn giá ngày * Số ngày lẻ) với (Đơn giá tuần)

Giải thích tính Tiền ngày lẻ:

Đơn giá tuần được tính khi đã ở được 7 ngày. Trong một số trường hợp đơn giá ngày lẻ khá cao nên có thể chưa ở đủ 7 ngày mà số tiền Đơn giá ngày * Số ngày lẻ đã lớn hơn tiền ở một tuần. Vì thế luôn tính giá thấp hơn để làm hài lòng khách hàng.

5. Trang trí bảng tính như mẫu.

Bài tập 7

Tạo workbook mới. Tạo bảng tính KET TOAN trên Sheet 1 có dạng sau:

BẢNG ĐƠN GIÁ VÀ LOẠI HÀNG

MÃ HÀNG	TÊN HÀNG	ĐƠN GIÁ	ĐỘC HẠI
DUMEX	Sữa bột	25000	
555	Thuốc lá	10000	X
SGD	Đường	4500	
WALKER	Rượu	15000	X
AJINO	Bột ngọt	20000	

KẾT TOÁN HÀNG NHẬP THÁNG 10/07

STT	MÃ HÀNG	NGÀY NHẬP	TÊN HÀNG	SL	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	THUẾ ĐỘC HẠI	TỔNG CỘNG
1	DUMEX	02/10/07		50				
2	555	04/10/07		100				
3	DUMEX	04/10/07		125				
4	SGD	19/10/07		47				
5	SGD	21/10/07		80				
6	WALKER	22/10/07		90				
7	AJINO	22/10/07		120				
8	DUMEX	24/10/07		48				

Yêu cầu:

1. Lập công thức điền dữ liệu vào cột Tên Hàng, Đơn Giá dựa vào Mã hàng và Bảng đơn giá và loại hàng.
2. Tính Thành Tiền = Số lượng * Đơn giá.
3. Tính Thuế độc hại = 5% của Thành tiền.

Lưu ý: chỉ tính thuế độc hại đối với những mặt hàng có đánh dấu là độc hại ở cột độc hại trong Bảng đơn giá và loại hàng.

4. Tính Tổng cộng = Thành tiền + Thuế độc hại.
5. Sắp xếp bảng tính theo thứ tự tăng dần của cột Tổng cộng.

Bài tập 8

Tạo bảng tính THUE KHO theo mẫu sau:

BẢNG GIÁ

Mã hàng	Tên hàng	Giá loại 1	Giá loại 2
B	Bắp	200	180
D	Đậu	100	80
G	Gạo	150	140
K	Khoai	120	100

BẢNG TÍNH TIỀN THUẾ THUÊ KHO

Mã hàng	Tên hàng	Loại	Giá	Số Lượng	Ngày Thuê	Ngày Trả	Số ngày Thuê	Tiền Thuê
B01				28	30/08/07	05/10/07		
G02				20	30/08/07	02/10/07		
D01				28	02/09/07	02/10/07		
K02				15	01/09/07	10/10/07		
G01				30	02/09/07	13/10/07		
K01				20	04/09/07	14/10/07		
					Tổng cộng			

Yêu cầu:

1. Tính Số ngày thuê = Ngày trả – Ngày thuê.
2. Tính Loại là ký tự cuối của mã hàng và chuyển qua giá trị số.
3. Tính cột Tên hàng dựa theo Mã hàng và Bảng giá.
4. Tính cột Giá dựa theo Mã hàng, Bảng giá và Loại.
5. Tiền Thuê = Số lượng * Giá * Số ngày thuê; nhưng số lượng lớn hơn 20 thì sẽ giảm 10% Tiền thuê.
6. Tính Tổng cộng cột Số ngày thuê và Tiền thuê.

Bài tập 9

BẢNG ĐƠN GIÁ VÀ THỜI GIAN QUY ĐỊNH

Nơi đến	Đơn giá	Thời gian
Ha Noi	10000	5
Da Nang	5000	7
Quy Nhon	4000	2
Playku	6000	4
Lao	25000	8
Campuchia	20000	6
Nha Trang	3000	1

BẢNG QUY ĐỊNH TRỌNG TẢI

Số xe	Trọng tải
(2 ký tự đầu)	
50	4
51	8
52	12

BẢNG TÍNH CƯỚC PHÍ VẬN TẢI

Số xe	SL	Nơi đến	Đơn giá	Cước phí	Ngày đi	Ngày đến	T.gianth
50-2993	5	Playku			01/05/07	03/05/07	
52-1234	10	Quy Nhon			03/05/07	04/05/07	
50-9553	2	Nha Trang			03/05/07	05/05/07	
50-2923	3	Ha Noi			01/05/07	07/05/07	
51-1111	6	Nha Trang			06/05/07	06/05/07	
52-2222	5	Ha Noi			10/05/07	16/05/07	
52-1234	10	Lao			20/05/07	26/05/07	
51-1111	5	Lao			21/05/07	27/05/07	
50-4455	3	Ha Noi			25/05/07	31/05/07	
52-2929	2	Campuchia			22/05/07	26/05/07	
51-1111	4	Da Nang			10/05/07	12/05/07	

Yêu cầu:

- Quy định thứ tự ngày, tháng, năm của hệ thống theo dạng: dd/mm/yy.
- Thêm cột **Thưởng** vào bên phải cột Thời gian thực hiện (T.gianth).
- Tính **Đơn giá**: lập công thức lấy Đơn giá từ BẢNG ĐƠN GIÁ VÀ THỜI GIAN QUY ĐỊNH. (DÙNG HÀM Vlookup dò tìm theo cột và giá trị dò tìm là Nơi đến).
- Tính **Cước phí**: Nếu Số lượng (SL) chở ít hơn trọng tải xe (cho trong BẢNG QUY ĐỊNH TRỌNG TẢI) Cước phí = Đơn giá * SL (có nghĩa là tính nguyên giá), ngược lại Cước phí = Đơn giá * SL * 105% (nghĩa là tính thêm 5%).

Hướng dẫn: Muốn biết được trọng tải của xe đang tính, bạn phải dựa vào 2 ký tự đầu của số xe và bảng quy định trọng tải. Do đó cần sử dụng hàm dò tìm theo cột, với giá trị dò tìm là 2 ký tự bên trái của Số xe.

- Tính **Thời gian thực hiện** (T.gianth) = Ngày đến – Ngày đi, nhưng trường hợp đến và đi trong cùng mt ngày (Ngày đi = Ngày đến) thì thời gian thực hiện được tính là 1 ngày.
- Tính **Thưởng**: nếu thời gian thực hiện ít hơn thời gian quy định (cho trong Bảng đơn giá và thời gian quy định) thì thưởng là 5% cước phí, ngược lại sẽ tính thưởng là 0.
- Trang trí bảng tính.

Bài tập 10

BẢNG ĐƠN GIÁ

Loại	Khu vực				
	A	B	C	D	E
Loại 1	500	460	450	420	410
Loại 2	450	440	430	410	400

BẢNG HỆ SỐ

Số lần	Hệ số
0	1,5
1	2
2	2,5
3	3
4	3,5
5	4

BẢNG TÍNH TIỀN ĐIỆN

Stt	SốĐK	Định mức	Số cũ	Số mới	Đơn giá	Tiêu thụ	TrĐM	VượtĐM	Tổng
	A001	180	2.500	2.900					
	D002	160	2.300	2.450					
	B001	200	5.600	5.800					
	C002	160	2.500	2.720					
	E001	180	3.200	3.950					
	C002	220	4.400	4.590					
	E002	210	2.800	3.000					
	B002	180	4.500	4.980					
	D001	200	2.400	3.000					
	A001	180	1.880	3.200					

Yêu cầu:

- Nhập số thứ tự cho cột Stt
- Tính số Kw tiêu thụ (Tiêu thụ) = Số mới – Số cũ
- Tính Đơn giá dựa vào Số điện kế (Số ĐK) và Bảng đơn giá
(Trong SốĐK: ký tự đầu bên trái biểu thị cho Khu vực, ký tự bên phải cho biết Loại đã đăng ký).
HD: Dùng hàm HLOOKUP để dò tìm theo hàng.
- Tính Tiền Trong định mức (Tr.ĐM) = Số Kw của phần tiêu thụ trong định mức nhân với Đơn giá.
- Tính Tiền Vượt định mức (VượtĐM) = Số Kw tiêu thụ vượt định mức * Đơn giá * Hệ số vượt định mức.
+ Biết rằng số lần vượt định mức = (Tiêu thụ – Định mức) / Định mức.
+ Hệ số vượt định mức được tính dựa vào số lần vượt định mức: nếu số lần < 1 thì Hệ số là 1,5, số lần < 2 thì hệ số là 2, số lần < 3 hệ số là 2,5, số lần < 4 thì hệ số là 3, số lần < 5 thì hệ số là 3,5, còn lại hệ số 4. Tuy nhiên Hệ số có thể được tính dựa vào bảng hệ số.
- Tính Tổng = Trong định mức + Vượt định mức.
- Hãy trình bày bảng tính thật đẹp mắt.
- Lưu workbook lại
- Sắp xếp bảng tính trên sao cho dữ liệu trên cột SốĐK có thứ tự tăng dần.
- Tạo vùng dữ liệu chỉ gồm những mẫu tin có ký tự bên phải của SốĐK là “1” (Advanced Filter)

Bài tập 11

BẢNG TỶ LỆ

Loại	Tỷ lệ
A	5%
B	10%
C	20%
D	50%

BẢNG TỶ GIÁ SO VỚI USD

MNT	Tỷ giá
FF	5.6
JPY	132
USD	1
RUP	200
HKD	20

BÁO CÁO THUẾ NHẬP KHẨU

Mã số	Tên hàng	Số lượng	Đơn giá	MNT	Ngày	TTVN	Thuế
A001	Thuốc nhuộm m	10	30	USD	12/10/07		
B001	Vật tư ảnh	15	100	JPY	12/10/07		
B002	Máy Minilab	4	10000	JPY	16/10/07		
A002	Sợi	120	20000	RUP	13/10/07		
C001	Dược liệu	10	10000	FF	10/10/07		
D001	Cassette	10	3000	JPY	07/10/07		
C002	Lk điện tử	15	4000	HKD	08/10/07		
D002	Nissan car	4	30000	JPY	18/10/07		
A003	Máy dệt	2	30000	USD	11/10/07		
D003	Mô tô 125	5	10000	JPY	10/10/07		

Yêu cầu:

- Quy định thứ tự ngày, tháng, năm của hệ thống theo dạng: dd/mm/yy.
- Chèn thêm 2 cột **Thành tiền, Quy ra USD** trước cột TTVN.
- Tính **Thành tiền** = Số lượng * Đơn giá
- Tính **Quy ra USD** = Thành tiền / Tỷ giá.

HD: Tỷ giá được tính dựa vào MNT (mã nguyên tệ) và Bảng tỷ giá so với USD ở trên.

- Tính **TTVN** (thành tiền VN) = Quy ra USD * Tỷ giá USD so với VND

Tỷ giá USD so với VND được tính dựa vào Ngày (ngày nhập khẩu)

- Nếu ngày nhập trước 15/10/06 thì tỷ giá là 16.040
- Nếu ngày nhập sau 15/10/06 thì tỷ giá là 16.032

- Tính **Thuế** = Tỷ lệ theo loại hàng * Thành tiền VN.

HD: Tỷ lệ theo loại hàng được tính dựa vào ký tự bên trái của Mã số và Bảng tỷ lệ.

- Sử dụng chức năng Advanced Filter, lần lượt tạo các vùng dữ liệu chỉ gồm những mẫu tin có:
 - Ký tự bên trái của Mã số là A và Mã nguyên tệ là USD.
 - Mã nguyên tệ là JPY và ký tự bên phải của Mã số là 2.
 - Ký tự bên trái của Mã số là B hoặc Mã nguyên tệ là FF.

Bài tập 12

Nhập và trình bày bảng tính sau:

BẢNG LƯƠNG THÁNG 10/07

Tên	Mã số	Lcb	Nc	Mã loại	SNCT	Hệ số	Lương	Phụ cấp	Thực lãnh
Nam	A4	600	23						
Thu	C2	480	25						
Hoa	D1	390	28						
Đông	B4	520	24						
Thanh	B7	520	23						
Quang	C5	480	25						
Đoan	B3	520	25						
Trung	B5	520	25						
Thảo	A6	600	22						
Khanh	D2	390	28						

BẢNG TÍNH HỆ SỐ

Mã loại	Số năm công tác		
	1->3	4->6	7->8
A	10	12	15
B	9	11	13
C	9	10	12
D	8	9	11

Lưu ý:

- + Mã loại là ký tự bên trái của Mã số.
- + Tương ứng với mỗi Mã loại và số năm công tác trên bảng Hệ số và hệ số lương tương ứng.

Yêu cầu:

- Lập công thức điền dữ liệu vào cột **Mã loại**: là ký tự bên trái của mã số
- Lập công thức tính **Số năm công tác** (SNCT): là ký tự cuối của Mã số và nó phải là trị số.
- Tính **Hệ số** dựa vào Mã số (hoặc Mã loại), SNCT và Bảng tính hệ số (dùng hàm Vlookup).
- Tính **Lương** = Lcb * Hệ số * Nc, nhưng nếu Nc>24 thì phần ngày công vượt trên 24 được tính gấp đôi.
- Tính **Phụ cấp**: mỗi năm công tác được tính phụ cấp là 10000 và nếu Mã loại là A thì phụ cấp được cộng thêm 6000.
- Tính **Thực lãnh** = Lương + Phụ cấp nhưng Thực lãnh này không được thấp hơn 140000.
- Tạo vùng dữ liệu gồm các mẫu tin có Mã loại là B và Ngày công từ 24 trở lên.

Bài tập 13

Bảng 1 - BẢNG ĐIỂM CHUẨN

Mã ngành	Ngành thi	Điểm chuẩn 1	Điểm chuẩn 2
A	Máy tính	20	22
B	Điện tử	18	20
C	Xây dựng	15	16
D	Hóa	13	14

Bảng 2 - BẢNG ĐIỂM HỌC BỔNG

Mã ngành	A	B	C	D
Điểm học bổng	26	24	21	19

KẾT QUẢ TUYỂN SINH

Mã số	Họ	Tên	Ngành thi	Khu vực	Toán	Lý	Hóa	Kết quả
A101	Lê	Trung			4	7	5	
B102	Kiều	Lệ			5	6	6	
C203	Lý	Thanh			4	3	1	
D204	Phạm	Uyên			2	4	2	
A205	Nguyễn	Tùng			6	7	9	
C106	Trần	Hùng			8	6	7	
D107	Lê	Hoa			9	7	8	
A208	Lâm	Sơn			9	9	9	

Yêu cầu:

- Chèn vào trước cột kết quả 2 cột: **Tổng cộng, Điểm chuẩn.**
- Sắp xếp** bảng tính Kết quả tuyển sinh theo **Tên** với thứ tự tăng dần.
- Lập công thức điền dữ liệu cho các cột **Khu vực** và **Ngành thi** tương ứng cho từng thí sinh.
Trong đó:
Khu vực là ký tự thứ hai của mã số.
Ngành thi dựa vào ký tự đầu của mã số và bảng 1.
- Từ ký tự đầu của mã số (mã ngành), khu vực và bảng 1 hãy điền dữ liệu cho cột **Điểm chuẩn**.
Trong đó nếu thí sinh thuộc khu vực 1 thì lấy điểm chuẩn 1, ngược lại lấy điểm chuẩn 2.
- Tính điểm **Tổng cộng** là tổng điểm của 3 môn.
- Hãy lập công thức điền **Kết quả** như sau: nếu thí sinh có điểm tổng cộng lớn hơn hay bằng điểm chuẩn của ngành mình dự thi để có kết quả là "Đậu", ngược lại là "Rớt".
- Thêm cột **Học bổng** và lập công thức điền vào đó là "Có" nếu điểm tổng cộng của thí sinh lớn hơn hay bằng điểm học bổng ngành mình dự thi (trường hợp ngược lại để trống).
- Dùng chức năng **Advanced Filter** lọc ra một danh sách gồm toàn bộ các thí sinh có kết quả là "Đậu".
- Tạo bảng **thống kê** cho biết: Số HS Đậu, số HS Rớt, bao nhiêu học sinh có học bổng.

Bài tập 14

BẢNG ĐƠN GIÁ

Mã SP	Tên hàng	Đg_1	Đg_2	Miễn thuế
H	Hột điều	25000	23000	
G	Gạo	6000	5000	X
C	Cà phê	50000	40000	
D	Đường	20000	18000	X

BẢNG TỶ LỆ THUẾ

Mã	Tỷ lệ thuế
1	10%
2	8%
3	5%
4	2%

KẾT TOÁN HÀNG NHẬP KHO

Stt	Mã hàng	Tên hàng	Loại hàng	Số lượng	Thành tiền	Thuế	Còn lại
1	H11			90			
2	G32			70			
3	C41			80			
4	D22			60			
5	G12			40			
6	H31			30			
7	C42			50			

Yêu cầu

1. **Sắp xếp** bảng tính sao cho cột mã hàng có thứ tự tăng dần.
2. Lập công thức điền dữ liệu cho cột **Loại hàng**, với Loại hàng là ký tự bên phải của Mã hàng và phải chuyển sang trị số.
3. Hãy điền **Tên hàng** tương ứng dựa vào ký tự đầu của mã hàng (là MaSP) và Bảng đơn giá.
4. Tính **Thành tiền**: là Số lượng nhân Đơn giá, với Đơn giá của từng mặt hàng đã cho trong Bảng giá. Lưu ý: nếu hàng loại 1 thì lấy đơn giá loại 1 (Đg_1), ngược lại lấy đơn giá loại 2 (Đg_2).
5. Tính **Thuế**: Thuế được tính bằng Thành tiền nhân Tỷ lệ thuế và chỉ tính cho các mặt hàng không thuộc loại miễn thuế, trong đó tỷ lệ thuế được biết dựa vào ký tự ở giữa của Mã hàng và Bảng tỷ lệ thuế.
6. Tính **Còn lại**: là thành tiền sau khi đã trừ đi phần thuế.
7. Từ bảng kết toán hàng xuất kho, tạo một danh sách gồm toàn các dòng được miễn thuế.
8. Trang trí bảng tính.
9. Thống kê

Tên hàng	Tổng giá trị xuất (sau thuế)
Hột điều	?
Gạo	?
Cà phê	?
Đường	?

THANH TOÁN CHI PHÍ ĐIỀU TRỊ

tháng 02/7

Stt	Mã số	Ngày nhập viện	Ngày xuất viện	Ngày điều trị	Chi phí thuốc	Loại phòng	Tiền phòng	Hình thức thanh toán	Viện phí
	MPC1	2/5/07	2/7/07		30000				
	BHA2	2/7/07	2/9/07		20000				
	MPC2	2/13/07	2/21/07		40000				
	TDC1	2/15/07	2/16/07		60000				
	BHB1	2/16/07	2/26/07		410000				
	TDD2	2/5/07	2/12/07		250000				
	TDD1	2/11/07	2/16/07		220000				
	BHB2	2/18/07	2/25/07		260000				
	BHA1	2/1/07	2/6/07		200000				

7,325,000

Hình thức thanh toán	
Mã loại	Hình thức
MP	Miễn phí
BH	Bảo hiểm y tế
TD	Tự do

Bảng giá phòng				
Loại phòng	A	B	C	D
Lâu 1	70000	60000	50000	30000
Lâu 2	50000	40000	30000	10000

* Yêu cầu:

1. Nhập và trình bày bảng tính như trên và điền dữ liệu cho cột **Stt**.
2. Tính loại phòng là kí tự thứ ba của Mã Số
3. Tính số ngày điều trị = Ngày xuất viện - Ngày nhập viện.
4. Lập công thức tính giá trị cho cột Tiền Phòng theo loại phòng và tùy theo từng lâu (kí tự thứ tư của mã số cho biết số lâu) và bảng giá phòng, không tính tiền phòng cho những bệnh nhân có Mã số bắt đầu là "MP".
5. Hình thức thanh toán dựa vào hai kí tự đầu của mã số và tra trong bảng hình thức thanh toán.
6. Viện phí là tổng chi phí thuốc và tiền phòng nhân cho số ngày ở. Nếu hình thức thanh toán là bảo hiểm thì được giảm 50% viện phí (có thể sử dụng 2 kí tự đầu của mã số). Không tính tiền phòng cho những bệnh nhân có Mã số bắt đầu là "MP".
7. Sử dụng chức năng Advanced Filter trích ra một danh sách các bệnh nhân thanh toán bằng bảo hiểm.

Kết Quả Kỳ Thi Tuyển Sinh 2007

Stt	MSHS	Họ tên	Khối thi	Khu vực	Tên ngành	Điểm chuẩn	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Kết quả	Học bổng
	A1001101	Nam					29			
	A1002105	Minh					22			
	B3003112	Dũng					24			
	B2004111	Tuấn					24			
	A2005105	Hoa					29			
	B1006112	Mai					26			

Bảng điểm chuẩn

Mã ngành	Tên ngành	Điểm chuẩn theo khối	
		A	B
101	Tin học	25	
105	Xây dựng	24	
111	Ngoại ngữ		26
112	Luật		22

1. Nhập và trình bày bảng tính như trên và điền dữ liệu cho cột **STT**.
2. Khối thi là ký tự đầu của mã thí sinh
3. Khu vực là ký tự thứ 2 của mã thí sinh
4. Tên ngành dựa theo mã ngành (mã ngành là 3 ký tự cuối của mã thí sinh)
5. Điểm chuẩn dựa theo mã ngành và khối thi của thí sinh
6. Điểm ưu tiên là 0.5 nếu thuộc khu vực 2 ; là 1 nếu thuộc khu vực 3
7. Kết quả là đậu nếu (điểm thi + điểm ưu tiên) $\geq$ điểm chuẩn
8. Học bổng là 500000 nếu điểm thi lớn hơn điểm chuẩn từ 3 điểm trở lên và thuộc khối A
9. Lập bảng tổng kết

Tổng kết	
Tổng số đậu	?
Tổng số rớt	?

Đăng ký thuê phòng

Stt	Số phòng	Khách	Khách nước ngoài	Ngày đến	Ngày đi	Số ngày ở	ĐG thuê	Thành tiền	Phụ thu	Tiền giảm	Tiền trả
	A01	Thanh		4/10/07	4/30/07	21					
	C06	Mary	x	4/1/07	4/20/07	20					
	B04	Tùng		4/1/07	4/5/07	5					
	B02	Peter	x	4/20/07	4/25/07	6					
	A01	Thu		5/1/07	5/5/07	5					
	A05	Minh		4/25/07	5/2/07	8					

21,320,000

Tầng	Đơn giá thuê theo loại phòng		
	A	B	C
1	500000	400000	350000
2	450000	350000	300000
3	400000	300000	250000
4	350000	250000	200000
5	300000	200000	150000
6	250000	150000	100000

Yêu cầu:

1. Nhập và trình bày bảng tính như trên và điền dữ liệu cho cột **STT**.
2. Ký tự đầu số phòng là loại phòng, ký tự cuối số phòng là tầng. Ví dụ: Số phòng A02 -> Phòng loại A và ở tầng 2.
3. Số ngày ở = ngày đi - ngày đến +1
4. Đơn giá thuê tính theo bảng giá thuê phòng
5. Thành tiền = Số ngày ở nhân với đơn giá.
6. Phụ thu: Nếu khách là người nước ngoài thì phụ thu thêm 20% thành tiền
7. Tiền giảm: Nếu khách nào ở vào ngày 30/4/2000 thì được giảm 50% đơn giá (trong ngày 30/4/2000)
8. Trả tiền = thành tiền + phụ thu - tiền giảm
9. Tạo vùng dữ liệu gồm các mẫu tin có ký tự đầu số phòng là B. (*Advanced Filter*)

Bảng Kê Tiền Lãi Gởi Tiết Kiệm

Số Tài khoản	Khách	Loại Tiền	Kỳ hạn	Lãi suất	Tiền vốn	Tiền lãi	Tổng số tiền	Tiền VNĐ
K001-03	Thanh	USD	?	?	10,000	?	?	?
K002-06	Khanh	VNĐ			50,000,000			
K005-12	Tùng	EURO			22,000			
K008-03	Dũng	FF			5,000,000			
K010-03	Trang	USD			20,000			
K111-12	Minh	VNĐ			100,000,000			

Loại tiền	Lãi suất tháng		
	3	6	12
VNĐ	0.4%	0.5%	0.6%
USD	0.5%	0.5%	0.8%
EURO	0.5%	0.6%	0.8%
FF	0.5%	0.6%	1.0%

Bảng Tỷ giá

Nguyên tệ	USD	FF	EURO
Tỷ giá	16,400 đồng	6,000 đồng	20,500 đồng

- Kỳ hạn là 2 ký tự cuối số tài khoản và chuyển về giá trị số
- Lãi suất tính dựa trên loại tiền gửi theo kỳ hạn
- Tiền lãi = Tiền vốn nhân lãi suất
- Tổng số tiền = Tiền vốn + Tiền lãi
- Tiền VNĐ = tổng số tiền nếu là tiền VNĐ; trường hợp tiền ngoại tệ đổi ra tiền VNĐ theo tỷ giá cho ở trên
- Tính tổng số tiền lãi theo từng kỳ hạn

Tổng số tiền VNĐ	Lãi suất tháng		
	3	6	12
	?	?	?